TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2024/DS-PT
Ngày: 14-8-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 269/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2024; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 460/2024/TB-TA ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; HKTT: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số D ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số I, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1967;

3.2. Chị Nguyễn Thanh Ngọc H1;

HKTT: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Tạm trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1989; Địa chỉ: D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1987; Địa chỉ: D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Anh Nguyễn Phước T4, sinh năm 1992; Địa chỉ: D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số E, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Chị Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1996; HKTT: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Bình Thuận;

Địa chỉ liên lạc: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T4, chị T1, chị T2, anh N, anh

T3, chị M, chị O: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số I, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời cũng là người đai diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Ngọc H1, Phạm Thị Đ1 trình bày*: Trước đây cha mẹ ông H là cụ Nguyễn Văn Đ2 (Chết năm 1989) và cụ Quách Thị H2 (Chết năm 1990) có phần đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Lúc còn sống, cụ Đ2 và cụ H2 đã cho ông H và anh ông H là ông Nguyễn Văn T5 để hai anh em có điều kiện sinh sống, phần đất cha mẹ ông H cho ông H có diện tích theo như đo đạc thực tế là 308,7m^2 được thể hiện các mốc Ml, M2, M3, M4, M5, M6, M10, M9 về M1 (Trong đó phần tranh chấp thứ nhất là 104,8m^2 thể hiện các mốc Ml, M2, M10, M9 về Ml và phần đất tranh chấp thứ hai là 203,9m^2 thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2). Sau khi được cho, vào năm 2000 do đất là đất trồng cây lâu năm, trũng thấp, nên ông H đã mua 03 ghe cát mỗi ghe 17 khối để san lắp và thuê người lặng đất thùng để đắp nền nhà trên phần đất tranh chấp thứ nhất để cất nhà ở, chi phí khoản 8.000.000 đồng, phần phía sau là phần tranh chấp thứ hai là mương lạn ông H nạo vét để nuôi cá, đến năm 2010 thì mương lâu ngày đã bồi lắp (Tự bồi lắp, mương lạn) không còn sử dụng đến nay, trên phần đất tranh chấp thứ hai hiện nay có một bụi tre do cha mẹ ông H trồng. Riêng phần đất còn lại do ông T5 sống chung và nuôi cha mẹ nên hộ ông T5 sử dụng đến nay. Năm 2007, ông T5 chết, bà Huỳnh Thị T (Vợ ông T5) tiếp tục sống tại căn nhà của cha mẹ ông H. Năm 2010, do điều kiện sinh sống khó khăn nên vợ chồng ông H đóng cửa nhà đi làm thuê mướn ở Bình Dương, thỉnh thoảng vài tháng ông H có về thăm nhà một lần. Đến năm 2016, ông H có gặp bà T để bàn bạc việc đăng ký cấp giấy đất, hai bên thống nhất cắm ranh bằng cây, nhưng mấy ngày sau thì con bà T nhổ lên hết và cho rằng vợ chồng ông H ở đậu trên đất. Bức xúc trước thái độ của chị dâu ông H là bà T và các con bà T, nên ông H làm đơn gửi đến tổ hòa giải của ấp, nhưng tổ hòa giải ấp mời nhiều lần mà bà T không đến. Đến năm 2020, do địa phương thấy hoàn cảnh ông H khó khăn nên tổ từ thiện xã cho ông H căn nhà tình thương

để ở, nhưng bà T ngăn cản, nên Tổ từ thiện vận động bà T cho cất, sau đó bà T thống nhất và cho cất nhà như hiện nay. Sau khi nhà được cất hộ ông H ở được 02 tháng thì tiếp tục đi Bình Dương sinh sống, sau đó tiếp tục về nhà cha mẹ vợ ở đến nay. Tuy nhiên mỗi khi dịp tết thì ông H có về dọn dẹp nhà, đồng thời ông H có yêu cầu bà T cắm ranh để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng bà T không đồng ý, nên ông H có làm đơn gửi đến UBND xã Đ yêu cầu hòa giải, ngày 09/12/2020 UBND xã Đ có mời hai bên đến hòa giải nhưng không thành.

Nay ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất tranh chấp thứ hai diện 203,9m^2 thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2) thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò buộc hộ bà T và các con bà T trả lại cho ông H phần đất tranh chấp thứ nhất diện tích là 104,8m^2 thể hiện các mốc Ml, M2, M10, M9 về Ml thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền của bị đơn Huỳnh Thị T đồng thời cũng ìà người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thu T2, Nguyễn Thành N, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Phước T4, Nguyễn Thị Diễm M và Nguyễn Thị Hoàng O trình bày: Hiện bà Huỳnh Thị T đang quản lý và sử dụng thửa đất thửa số 139, tờ bản đồ 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc thửa số 139, tờ bản đồ 59 là của cha chồng bà T là cụ Nguyễn Văn Đ2. Do trước đây vợ chồng bà T, ông T5 sống chung với cụ Đ2, nên cụ Đ2 đã cho vợ chồng ông T5 bà T toàn bộ thửa đất số 139 nói trên, sau khi được tặng cho phần đất nói trên, đến năm 1985 ông T5 đi đăng ký kê khai và được đứng tên trên sổ mục kê, hiện đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1990 thì cụ Đ2 chết, sau khi cụ Đ2 chết thì hộ ông T5 tiếp tục quản lý và sử dụng đất.

Trước đây cụ Đ2 có cho ông H một phần đất để cất nhà ở, phần đất này có ranh liền kề với thửa đất số 139 của vợ chồng bà T, do vào khoảng năm 1990 ông H thiếu nợ Quỹ tín dụng xã Đ không trả, nên bỏ địa phương đi trốn nợ, nên nhà nước đã phát mãi đất bán cho ông Nguyễn Bá U. Đến khoảng năm 1992 vợ chồng ông H quay về thì đất không còn để cất nhà ở, nên về sống chung với gia đình cha mẹ vợ của ông H ở xã Đ. Đến năm 2000 ông T5 thấy

ông H không có chỗ ở, nên ông T5 cho ông H cất nhà ở nhờ trên phần đất của ông T5 (phần đất tranh chấp thứ nhất) diện tích theo như đo đạc thực tế là 104,8m^2 được thể hiện ở các mốc Ml, M2, M10, M9 về Ml. Sau khi ôngHồng được ông T5 cho ở nhờ thì hộ ông H sử dụng cất nhà ở, nhà bằng khung gỗ tạp, vách lá, nền đất, lợp tôn sóng tròn và hộ ông H chỉ sử dụng trong phạm vi diện tích 104,8m^2 thể hiện các mốc Ml, M2, M10, M9 về Ml, hộ ông H sử dụng được vài năm thì không ở nữa mà đi nơi khác sinh sống lâu lâu mới về thăm nhà một lần. Đến năm 2020 thì ông H được tổ từ thiện xã Đ cho nhà tình thương như hiện nay, lúc cất nhà này bà T đã ngăn cản không cho, nhưng UBND xã Đ động viên bà T cho cất, nên bà T mới đồng ý cho cất để hộ ông H tiếp ở nhờ như hiện nay. Ngoài ra trên phần đất này còn có 02 cây mít, 01 cây xoài là tự mọc không phải ông H trồng. Hiện hộ ông H không còn sử dụng căn nhà này từ lâu, hộ ông H hiện đã về sinh sống tại nhà cha mẹ vợ ông H, không còn sử dụng căn nhà này nữa.

Đối với diện tích đất phía sau (Phần tranh chấp thứ hai) theo như đo đạc thực tế là 203,9m^2 thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2) là do hộ bà T sử dụng từ trước đến nay, ông H không sử dụng, trên phần đất này có 01 bụi tre (Do cụ Đ2 trồng) phần còn lại là mương lạn, trên mương lạn này trước đây chị Nguyễn Thị Thu T2 là con bà T có cất 01 căn nhà (Nhà sàn), nhà hiện nay đã tháo dở, di dời đi nơi khác còn 14 cây trụ đá.

Nay bà T rút yêu cầu phản tố đối với phần đất tranh chấp thứ hai diện 203,9m^2 thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2 thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò buộc hộ ông H trả lại cho bà T và các con bà T phần tranh chấp thứ nhất diện tích 104,8m^2 thể hiện các mốc Ml, M2, M10, M9 về Ml thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tại Bản án sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã quyết định:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Phước T4, chị Nguyễn Thị Diễm M, chị Nguyễn Thị Hoàng O giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 diện tích 203-,9m^2 được

thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2 thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Phước T4, chị Nguyễn Thị Diễm M, chị Nguyễn Thị Hoàng O.

Công nhận cho hộ ông Nguyễn Văn H gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 được quyền sử dụng điện tích 104,8m^2 loại đất trồng cây lâu năm được thể hiện ở các mốc Ml, M2, M10, M9 về Ml, thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Phước T4, chị Nguyễn Thị Diễm M, chị Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 diện tích 104,8m^2 được thể hiện ở các mốc Ml, M2, M10, M9 về MI thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại âp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Có *biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp số 214/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 30/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).*

Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất theo diện tích được công nhận.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thị Ngọc H3 trả lại diện tích 203;9m^2 được thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2, thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 trả lại diện tích 104,8m^2 được thể hiện ở các mốc Ml, M2, M10, M9 về MI thuộc một

phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/10/2023, bà Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ nội dung bản án số 65/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, buộc ông Nguyễn Văn H tháo dỡ, di dời nhà trả lại cho bà T diện tích đất 104,8m² thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 59, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**.**

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Hồng giữ nguyên việc khởi kiện không thỏa thuận được với bà Huỳnh Thị T.

+ Ông Nguyễn Văn L trình bày: Bà T vẫn giữ nguyên việc kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Bà T kháng cáo yêu cầu ông H di dời nhà trả lại diện tích 104,8m^2 thửa số 139 tờ bản đồ số 59; đất tai xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà T và các con bà T cho rằng thửa đất 139 là cụ Đ2 và cụ H2 đã tặng cho vợ chồng bà T và ông T5. Tuy nhiên bà T không có chứng cứ gì để chứng minh rằng toàn bộ thửa đất nói trên là cụ Đ2 và cụ H2 cho bà T và ông T5. Đồng thời ông H cũng cho rằng phần đất tranh chấp là cụ Đ2 và cụ H2 đã tặng cho ông H. Tuy nhiên ông H không có chứng cứ gì để chứng minh phần đất tranh chấp là cụ Đ2 và cụ H2 tặng cho ông H.

Do đó đất này có nguồn gốc là của cụ Đ2 và cụ H2, đồng thời cụ Đ2 và cụ H2 là cha mẹ của ông H và ông T5 (chồng bà T). Lúc còn sống ông T5 cũng đã cho ông H sử dụng phần diện tích đất 104,8m^2 để cất nhà ở. Tại thời điểm ông H cất nhà thì các bên không phát sinh tranh chấp, hộ ông H đã sử dụng lâu

dài từ năm 2000 cho đến nay. Đồng thời hiện tại hộ ông H cũng không có chỗ ở nào khác, do đất này có nguồn gốc của cha mẹ ông H, nên ông H yêu cầu được sử dụng diện tích 104,8m^2 loại đất ở nông thôn, thuộc một phần thửa 139 là hoàn toàn có cơ sở. Do đó đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn H khởi kiện bà Huỳnh Thị T, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (QSDĐ). Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà T kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chi Nguyễn Thanh Ngọc H1 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ; bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Thành N, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Phước T4, chị Nguyễn Thị Diễm M, chị Nguyễn Thị Hoàng O ủy quyền cho anh Nguyễn Văn L thủ tục ủy quyền phù hợp nên chấp nhận.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây của cha mẹ ông Nguyễn Văn H là cụ Nguyễn Văn Đ2 và cụ Quách Thị H2 chết để lại, diện tích tranh chấp 104,8m^2 một phần thửa 139 tờ bản đồ số 59, đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ; đất tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Theo ông H trình bày cha mẹ cho ông H phần đất đang tranh chấp diện tích 104,8m^2, trong phạm vi các mốc M1, M2, M10, M9 trở về M1, trên đất có căn nhà của ông H, nên ông H yêu cầu được quyền sử dụng đất (QSDĐ). Bà T cho rằng chỉ cho ông H cất nhà ở nhờ, vì đất là của vợ chồng bà T và ông Nguyễn Văn T5 (anh của ông H), nên bà T yêu cầu ông H di dời nhà trả lại diện tích 104,8m^2.

[3] Nhận thấy, ông H và bà T đều thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ Đ2 và cụ H2. Theo bà T cho rằng vợ chồng bà T và ông T5 sống chung với cha mẹ nên được cha mẹ cho toàn bộ thửa đất 139. Ông H thì cũng cho rằng khi cha mẹ còn sống đã cho ông diện tích đất 104,8m^2. Tuy nhiên hai bên đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cụ Đ2 và cụ H2 tặng cho QSDĐ. Trên thực tế đất của cha mẹ ông T5 và ông H chết để lại, chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, khi ông T5 còn sống có giao cho ông H sử dụng

diện tích đất 104,8m^2 và bà T cũng thừa nhận ông H quản lý sử dụng cất nhà ở từ năm 2000 cho đến nay. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 thể hiện trên đất ông H đã cất nhà ở, trồng cây ăn trái (02 cây mít, 01 cây xoài, 01 cây mận).

Tại Công văn số 217/UBND-NC ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp thông tin như sau: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính đang quản lý, thể hiện thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59 tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy nên không có thông tin cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

Tại Công văn số 826/UBND-HC ngày 24/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cung cấp thông tin như sau: Tại thửa đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H với bà Huỳnh Thị T. Thuộc thửa số 139 tờ bản đồ số 59 diện tích 1.440,7m^2. Theo sổ mục kê mục đích sử dụng đất (300m^2 ONT +1.140,7m^2 CLN).

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, quy định điều kiện tách thửa, hợp thửa, diện tích tối thiểu được tách thửa và cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Tại Điều 5 quy định như sau: Đối với đất ở nông thôn, thửa đất có nhà ở diện tích tối thiểu 60m^2 trở lên.

Xét thấy ông H quản lý sử dụng diện tích đất 104,8m^2, đã có căn nhà của ông H tồn tại ổn định từ năm 2000 đến nay là 24 năm, đất giáp với đường giao thông (đường trải đá) và giáp liền kề đất của bà T thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 59 đã được cấp giấy chứng nhận vào ngày 13/7/2018 (thửa 145 không có tranh chấp nên được cấp giấy chứng nhận, còn thửa số 139 do có tranh chấp nên chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ). Mặt khác, ông H không có đất khác để cất nhà ở và nay có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất diện tích 104,8m^2 loại đất ONT thuộc một phần thửa 139 tờ bản đồ số 59 là phù hợp quy định của pháp luật (tổng diện tích 300m^2 ONT được giao cho ông H 104,8m^2 ONT). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình bà T, nên kháng cáo của bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm (điều chỉnh ông H được sử dụng 104,8m^2 ONT) là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, nhưng cần điều chỉnh mục đích sử dụng đất. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ, nhưng là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai; Điều 5; Điều 6; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 165; Điều 166; Điều 244, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Phước T4, chị Nguyễn Thị Diễm M, chị Nguyễn Thị Hoàng O giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 diện tích 203,9m^2 được thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2, thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Phước T4, chị Nguyễn Thị Diễm M, chị Nguyễn Thị Hoàng O.

Công nhận cho hộ ông Nguyễn Văn H gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 được quyền sử dụng diện tích 104,8m^2 loại đất ONT, được thể hiện ở các mốc Ml, M2, M10, M9 về Ml,

thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Huỳnh Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Phước T4, chị Nguyễn Thị Diễm M, chị Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 diện tích 104,8m^2, được thể hiện ở các mốc Ml, M2, M10, M9 về M1, thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Có *biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp số 214/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 30/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).*

Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất theo diện tích được công nhận.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị T, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thị Ngọc H3 trả lại diện tích 203,9m^2 được thể hiện ở các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M10 về M2, thuộc một phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị T, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Đ1, chị Nguyễn Thanh Ngọc H1 trả lại diện tích 104,8m^2, được thể hiện ở các mốc Ml, M2, M10, M9 về M1, thuộc một phần thửa đất sổ 139 tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn H được nhận lại 3.225.000 đồng (Ba triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai số BI/2019/0014146 ngày 12/5/2021 và biên lai số 0003708 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Về chí phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí

xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 3.494.000đ (Ba triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng), số tiền này ông Nguyễn Văn H đã tạm nộp và chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng